Ký bởi Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (M)
Tỉnh Thanh Hóa
sonongnghiepptnt@thanhhoa.gov.vn
Giờ ký: 2019-11-28T14:28:14.4959791+07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 288 /BC-SNN&PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Tổng cục Phòng, chống thiên tai.

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Xử lý sạt lở đê hữu sông Chu đoạn K18+600-K18+950 (đê cấp I), xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:

Ông Khương Anh Tấn, Phó chi cục Trưởng Chi cục Đê điều và PCLB;

Số điện thoại: 0904.517.567

4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng:

4.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình (cấp tuyến kè): Cấp I;
- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: P = 95 %;
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ: P = 0,6 %;
- Hệ số ổn định cho phép: [K] ≥ 1,35.

4.2. Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

STT	Thông số mặt mặt cắt	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	349,08
2	Cao trình đỉnh kè thiết kế	m	+10.90
3	Cao trình đỉnh đống đá chân kè	m	+4.70
4	Chiều rộng đỉnh cơ đống đá chân kè	m	(6 ÷ 15,50)
5	Hệ số mái kè		(2,25 ÷ 2,5)
6	Hệ số mái chân kè		2

4.3. Nội dung đầu tư:

Kè chống sạt lở đê hữu sông Chu đoạn K18+600 ÷ K18+950, xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân với chiều dài L=349,08 m.

4.4. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến kè:

- Vị trí, hướng tuyến: Theo hướng tuyến bãi sông hiện tại, vị trí đầu tuyến thiết kế tương ứng tại K18+622; điểm cuối tại K18+950 tuyến đê hữu sông Chu.

- Chân kè: Kiểu lăng thể tựa bằng đá hộc thả rối; mặt và mái từ cao trình đỉnh lăng thể (+4.70) m xuống cao trình (+4.20) m được chêm chèn chặt bằng đá lát khan dày 30 cm; khóa đỉnh đá lát bằng dầm bê tông cốt thép (BTCT) M250, dọc tuyến kè cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tẩm nhựa đường;

- Mái kè: Mái kè được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung dầm bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; bên dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 01 lớp vải địa kỹ thuật ART-15.

- Đỉnh kè: Khoá đỉnh kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tẩm nhựa đường.

b) Công trình trên tuyến kè:

- Bậc lên xuống: Được bố trí tại K0+165,36; chiều rộng bậc B=2,50 m, kết cấu bằng BTT M200;

- Dốc phục vụ thi công tại K0+260,39: Nền dốc bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; mặt dốc được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm;

- Tuyến đường thi công từ cuối tuyến kè đến bãi đúc cấu kiện: Nền đường bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; mặt đường được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm. Sau khi thi công xong, tuyến đường được thanh thải trả lại mặt bằng hiện trạng.

5. Danh sách các nhà thầu:

5.1. Nhà thầu khảo sát, thiết kế: Công ty TNHH xây dựng An Khánh Hưng;

5.2. Nhà thầu thi công: Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thanh Hóa;

5.3. Nhà thầu giám sát thi công: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng.

6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành:

Ngày khởi công: 19/5/2019;

Ngày hoàn thành: 30/10/2019.

7. Khối lượng của các công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện:

TT	Công việc chính	Đơn vị	Khối lượng
1	Đất đào đắp các loại:	m^3	12.575
2	Bê tông các loại:	m^3	975,35
3	Cấu kiện BTĐS lắp đặt:	CK	28.889
4	Đá các loại	m^3	12.594

8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế:

Các hạng mục thi công đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng, đảm bảo yêu cầu hồ sơ thiết kế được duyệt.

9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng:

Công trình đã thi công hoàn thành, các công việc xây dựng đã được nghiệm thu, đủ điều kiện để được nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình:

- Hồ sơ chuẩn bị đầu tư và các hợp đồng;
- Hồ sơ khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình;
- Hồ sơ quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình.

Đề nghị Tổng cục Phòng, chống thiên tai tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vụ Quản lý Đê điều;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Chi cục Đê điều và PCLB (để phối hợp);
- Lưu VT, QLXDCT, P.Sơn.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH HÀ TĨNH

Đặng Tiến Dũng